ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** Số: 3693 /SGDĐT-GDTrH V/v công bố kết quả thi chọn đội dự tuyển học sinh giỏi Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022-2023.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2022*

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường THPT;
- Hiệu trưởng các trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp THPT).

- Căn cứ văn bản 3094/SGDĐT-GDGTrH ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi chọn đội tuyển học sinh giỏi THPT của Thành phố dự Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2022-2023;

- Căn cứ Kế hoạch 3191/KH-SGDĐT ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch tổ chức thi chọn đội tuyển học sinh giỏi tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2022-2023;

- Căn cứ vào kết quả Kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2022-2023, Sở Giáo dục và Đào tạo công bố kết quả chọn đội dự tuyển học sinh giỏi Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022-2023 *(danh sách đính kèm)*./.

Nơi nhận: - Như trên; - Giám đốc *(để báo cáo)* - Lưu: VT, GDTrH	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Nguyễn Bảo Quốc**

DANH SÁCH

ĐỘI DỰ TUYỂN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Công văn số 3693/SGDĐT-GDTrH ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đội tuyển
							Ng	Th	N				
1	01068	3	Toán	ĐẶNG ĐÌNH	TRUNG		11	2	2006	TP.HCM	11CT	THPT Gia Định	Chính thức
2	01070	3	Toán	ĐOÀN ĐỨC	TUẤN		29	7	2005	TP.HCM	12CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
3	01078	2	Toán	CỔ THÀNH	ĐOÀN		12	3	2005	TP.HCM	12CT	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
4	01081	2	Toán	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	NGUYÊN		18	3	2005	TP.HCM	12CT	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
5	01018	1	Toán	VŨ LÊ	HOÀNG		14	4	2006	TP.HCM	11CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
6	01040	2	Toán	NGUYỄN CAO	MINH		5	4	2005	TP.HCM	12CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
7	01044	2	Toán	VÕ HOÀNG	NGÂN		8	5	2005	TP.HCM	12CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
8	01083	3	Toán	BÙI CÔNG	VINH		7	7	2006	TP.HCM	11CT1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
9	01023	1	Toán	TRẦN QUANG	HUY		19	10	2005	TP.HCM	12CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
10	01082	3	Toán	NGUYỄN MINH	TRIẾT		17	9	2005	TP.HCM	12CT	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Dự bị
11	02029	5	Vật lý	PHAN GIA TẤN	KHANG		23	1	2005	TP.HCM	12CL1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
12	02040	5	Vật lý	TỪ ĐĂNG	KHÔI		8	6	2005	TP.HCM	12CL1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
13	02023	4	Vật lý	KHOAN NGUYỄN	HƯNG		24	6	2005	TP.HCM	12CL	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
14	02024	4	Vật lý	THÁI GIA	HƯNG		29	6	2005	TP.HCM	12CL1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
15	02012	4	Vật lý	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT		16	10	2005	TP.HCM	12CL1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
16	02056	6	Vật lý	ĐẶNG PHÚC	NGUYÊN		4	1	2005	TP.HCM	12CL1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
17	02058	6	Vật lý	NGUYỄN HOÀNG	NGUYÊN		14	4	2006	TP.HCM	11CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Chính thức
18	02074	6	Vật lý	HOÀNG ANH	TÚ		5	2	2005	TP.HCM	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Chính thức
19	02047	5	Vật lý	NGUYỄN THẾ	LUÂN		19	3	2005	TP.HCM	12CL1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
20	02016	4	Vật lý	TRẦN QUÝ TRỌNG	ĐỨC		2	3	2005	TP.HCM	12CL	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Dự bị
21	03034	7	Hóa học	NGUYỄN BÁ QUỐC	KHÁNH		27	8	2005	TP.HCM	12CH	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
22	03024	10	Hóa học	PHẠM TỪ KHÁNH	HƯNG		1	6	2005	TP.HCM	12CH1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
23	03093	9	Hóa học	PHẠM MINH	TUẤN		4	4	2005	TP.HCM	12CH	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
24	03023	10	Hóa học	VŨ VĂN	HOÀNG		12	9	2005	Đồng Nai	12CH2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
25	03077	9	Hóa học	LÂM THI	THẮNG		3	8	2005	TP.HCM	12CH	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
26	03021	10	Hóa học	NGUYỄN LÊ HUY	HOÀNG		31	12	2006	TP.HCM	11CH1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức

STT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đội tuyển
							Ng	Th	N				
27	03086	9	Hóa học	NGUYỄN TRUNG	TÍN		15	4	2005	TP.HCM	12CH1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
28	03028	7	Hóa học	PHẠM ĐĂNG	HUY		4	9	2005	TP.HCM	12CH	THPT Gia Định	Chính thức
29	03047	7	Hóa học	HOÀNG ANH	MINH		16	2	2006	TP.HCM	11CH	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
30	03090	9	Hóa học	NGUYỄN ANH	TÚ		6	1	2006	TP.HCM	11CH1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
31	03087	9	Hóa học	LÊ NĂNG ĐỨC	TRÍ		13	9	2006	TP.HCM	11CH	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Dự bị
32	03002	10	Hóa học	NGUYỄN THÀNH	AN		8	2	2006	Quảng Ngãi	11CH1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
33	04023	11	Sinh học	LÊ THỊ TƯỜNG	NGHI	X	21	10	2005	TP.HCM	12CSI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
34	04050	12	Sinh học	TRẦN ANH	VŨ		3	5	2006	TP.HCM	11CSI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
35	04034	12	Sinh học	NGUYỄN HỒNG	PHÚC		1	5	2005	TP.HCM	12CSI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
36	04024	11	Sinh học	NGUYỄN TÔN HIẾU	NGHĨA		25	3	2005	TP.HCM	12CSI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
37	04013	11	Sinh học	TRẦN GIA	KHANG		5	2	2005	TP.HCM	12CSI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
38	04032	12	Sinh học	NGUYỄN HÀN	PHONG		1	4	2005	Hà Nội	12CSI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
39	04003	11	Sinh học	TRƯƠNG ĐÌNH QUANG	ĐĂNG		12	10	2006	TP.HCM	11CSI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
40	04015	11	Sinh học	VŨ NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI		9	7	2005	TP.HCM	12CS	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
41	04022	11	Sinh học	ĐẶNG LÊ ĐÔNG	NGHI	X	2	11	2005	TP.HCM	12HS	THPT Gia Định	Chính thức
42	04047	12	Sinh học	NGUYỄN HOÀNG ANH	TÚ	X	23	4	2006	TP.HCM	11CSI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
43	04019	11	Sinh học	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	X	25	5	2006	TP.HCM	11CS	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Dự bị
44	04005	11	Sinh học	HUỲNH THỊ NGỌC	DIỆU	X	25	8	2006	TP.HCM	11CSI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
45	07041	18	Lịch sử	LÊ TRẦN MINH	THƯ	X	2	5	2005	TP.HCM	12CSU-Đ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
46	07003	17	Lịch sử	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	X	9	3	2005	TP.HCM	12CSU-Đ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
47	07012	17	Lịch sử	HỒ TRẦN BẢO	HÂN	X	13	11	2005	TP.HCM	12CV	THPT Gia Định	Chính thức
48	07036	18	Lịch sử	TRỊNH TRỌNG	QUYỀN		21	9	2005	TP.HCM	12CSU-Đ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
49	07010	17	Lịch sử	PHẠM LA CHÍ	DUY		5	9	2005	TP.HCM	12CSU-Đ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
50	07043	18	Lịch sử	ĐẶNG LÊ LONG	VŨ		18	3	2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	12CV	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
51	07042	18	Lịch sử	PHẠM NGUYỄN MINH	THƯ	X	24	8	2006	TP.HCM	11CV	THPT Gia Định	Dự bị
52	07022	17	Lịch sử	LÊ KHÁNH	NGÂN	X	15	4	2005	TP.HCM	12CV	THPT Gia Định	Dự bị
53	08030	20	Địa lý	HỒ NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	X	14	3	2005	Quảng Ngãi	12CSU-Đ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
54	08039	20	Địa lý	HUỲNH QUANG	VINH		18	7	2005	TP.HCM	12XH1	THPT Gia Định	Chính thức
55	08019	19	Địa lý	NGÔ THÀNH	LONG		30	8	2005	TP.HCM	12CSU-Đ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
56	08031	20	Địa lý	NGUYỄN NGỌC	TÂN		4	10	2005	Bến Tre	12CSU-Đ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức

STT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đội tuyển
							Ng	Th	N				
57	08012	19	Địa lý	THIỀU QUANG	KHÁNH		25	8	2005	Khánh Hoà	12CA3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
58	08024	20	Địa lý	HOÀNG ĐÀO NGUYÊN	NGỌC	X	31	10	2005	Đắk Lắk	12CSU-Đ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
59	08001	19	Địa lý	DƯƠNG NGUYỄN TIẾN	ANH		31	8	2005	TP.HCM	12A03	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Dự bị
60	08018	19	Địa lý	TRẦN THIÊN	LỘC		3	9	2005	TP.HCM	12CSU-Đ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
61	06060	15	Ngữ văn	LẠI NHƯ	PHƯƠNG	X	5	12	2005	TP.HCM	12CV1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
62	06076	16	Ngữ văn	PHẠM MINH	THƯ	X	16	5	2006	TP.HCM	11A11	THPT An Lạc	Chính thức
63	06022	13	Ngữ văn	NGUYỄN THÙY	DUNG	X	27	7	2005	TP.HCM	12CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Chính thức
64	06019	13	Ngữ văn	LÊ PHƯỚC NHƯ	ĐĂNG	X	2	2	2006	Vĩnh Long	11CV1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
65	06013	13	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	X	10	3	2005	TP.HCM	12CV1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
66	06045	14	Ngữ văn	LÊ HOÀNG	NGÂN	X	10	1	2005	Đà Nẵng	12CV	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
67	06072	15	Ngữ văn	NGÔ ĐẶNG MINH	THƯ	X	13	10	2005	TP.HCM	12CV	THPT Gia Định	Dự bị
68	06030	14	Ngữ văn	NGUYỄN LINH	KHANH	X	1	7	2005	TP.HCM	12A03	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Dự bị
69	09001	21	Tiếng Anh	NGUYỄN VƯƠNG KHẢI	AN		27	7	2006	TP.HCM	11CA1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
70	09093	24	Tiếng Anh	NGUYỄN ĐỨC	NGUYÊN		14	9	2005	TP.HCM	12CA1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
71	09022	21	Tiếng Anh	NGUYỄN CÔNG THÁI	DƯƠNG		27	9	2004	TP.HCM	12CA2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
72	09065	23	Tiếng Anh	LÊ PHẠM KHÁNH	LINH	X	16	10	2005	TP.HCM	12CA1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
73	09047	22	Tiếng Anh	NGUYỄN NGỌC PHÚC	KHANG		15	2	2005	TP.HCM	12CA1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
74	09070	23	Tiếng Anh	HUỲNH KHÁNH	MINH	X	17	3	2006	TP.HCM	11CA1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
75	09137	26	Tiếng Anh	ĐỖ TRÍ	TOÀN		23	9	2005	TP.HCM	12CA1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
76	09003	21	Tiếng Anh	VÕ NGUYỄN MỸ	AN	X	5	8	2005	TP.HCM	12CA1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
77	09140	26	Tiếng Anh	DENNY ĐẠT HOÀNG	TRẦN		15	11	2004	Mỹ	12CA1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
78	09157	27	Tiếng Anh	THI HỒNG ÁNH	XUÂN	X	27	4	2007	TP.HCM	10CA1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Chính thức
79	09101	25	Tiếng Anh	TRẦN PHÚC AN	NHI	X	19	12	2005	TP.HCM	12CA1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
80	09114	25	Tiếng Anh	LƯU MỸ	QUÂN	X	14	9	2005	TP.HCM	12CA1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
81	10002	28	Tiếng Pháp	QUÁCH MINH	ANH	X	21	1	2006	TP.HCM	11SN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
82	10009	28	Tiếng Pháp	NGUYỄN SONG	KHUÊ	X	30	3	2005	TP.HCM	12CP	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
83	10008	28	Tiếng Pháp	VÕ LÊ MINH	KHA		12	12	2005	TP.HCM	12SN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
84	10017	28	Tiếng Pháp	HỨA MAI	THẢO	X	8	9	2005	Bạc Liêu	12CP	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
85	10011	28	Tiếng Pháp	DƯƠNG BẢO	LÂM	X	14	2	2005	TP.HCM	12CP	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
86	10013	28	Tiếng Pháp	VŨ CÁT TƯỜNG	LINH		27	5	2006	TP.HCM	11SN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức

STT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đội tuyển
							Ng	Th	N				
87	10001	28	Tiếng Pháp	PHẠM TÚ	ANH	X	23	3	2005	TP.HCM	12SN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
88	10012	28	Tiếng Pháp	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	LINH	X	26	5	2005	TP.HCM	12SN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
89	10016	28	Tiếng Pháp	HUỲNH MINH	TẤN		12	10	2005	TP.HCM	12SN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
90	10020	28	Tiếng Pháp	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂM	X	29	6	2006	Bình Thuận	11SN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
91	10015	28	Tiếng Pháp	NGUYỄN ANH	QUÂN		29	9	2005	TP.HCM	12CP	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
92	10005	28	Tiếng Pháp	KIÊN LÊ ĐĂNG	HUY		20	1	2006	TP.HCM	11SN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
93	11001	29	Tiếng Trung	NGUYỄN ĐÌNH	AN		22	9	2005	TP.HCM	12CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
94	11017	29	Tiếng Trung	LÂM PHƯỚC	THẠNH		13	12	2005	TP.HCM	12CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
95	11007	29	Tiếng Trung	TẠ HÂN	HÒA	X	11	1	2005	TP.HCM	12CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
96	11018	29	Tiếng Trung	Vương Gia	Thịnh		21	3	2005	TP.HCM	12CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
97	11013	29	Tiếng Trung	HUỲNH UYỂN	NHƯ	X	19	1	2005	TP.HCM	12CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
98	11004	29	Tiếng Trung	HUỲNH UYỂN	DINH	X	24	12	2006	TP.HCM	11CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
99	11020	29	Tiếng Trung	LÝ TÚ	VĂN	X	14	2	2006	TP.HCM	11CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
100	11009	29	Tiếng Trung	LẠC Ý	MẪN	X	26	9	2005	TP.HCM	12CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
101	11021	29	Tiếng Trung	HUỲNH MẠC HOA	YẾN	X	9	7	2006	An Giang	11CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
102	11010	29	Tiếng Trung	SÚ HUỆ	MẪN	X	10	8	2006	TP.HCM	11CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
103	11014	29	Tiếng Trung	LÝ BỘI	NHƯ	X	24	6	2006	TP.HCM	11CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
104	11008	29	Tiếng Trung	TRẦN TUẤN	LONG		12	8	2005	TP.HCM	12CTR-N	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị
105	05052	32	Tin học	PHẠM NGUYỄN ANH	TÀI		21	1	2005	TP.HCM	12CTin	THPT Gia Định	Chính thức
106	05023	30	Tin học	XỈN QUÝ	HÙNG		9	10	2005	TP.HCM	12CTIN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
107	05037	31	Tin học	VŨ TIẾN	LỰC		24	4	2005	TP.HCM	12CTIN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
108	05020	30	Tin học	VŨ TRẦN MINH	HIẾU		8	8	2006	TP.HCM	11CTin	THPT Gia Định	Chính thức
109	05062	32	Tin học	ĐÀO HOÀNG MINH	TRIẾT		3	3	2005	TP.HCM	12CTIN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
110	05046	31	Tin học	ĐẶNG MINH	NHẬT		23	2	2005	TP.HCM	12CTIN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
111	05055	32	Tin học	NGUYỄN CÔNG VIẾT	THÀNH		16	10	2005	TP.HCM	12CTIN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
112	05025	31	Tin học	NGUYỄN PHẠM ĐỨC	HUY		3	7	2007	TP.HCM	10CTin	THPT Gia Định	Chính thức
113	05064	32	Tin học	NGUYỄN MINH	TRUNG		5	11	2006	TP.HCM	11CTIN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
114	05026	31	Tin học	NGUYỄN TƯỜNG	HUY		21	10	2005	TP.HCM	12CTIN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chính thức
115	05003	30	Tin học	ĐOÀN TUẤN	ANH		6	4	2006	TP.HCM	11CTIN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dự bị